

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ III/2014

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	số quý này (năm nay)	số quý này (năm trước)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
I	2			4	4
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	1	26,512,079,850	16,609,947,996	59,827,267,052	60,836,325,444
1. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp DV	10	26,512,079,850	16,609,947,996	59,827,267,052	60,836,325,444
2. Giá vốn hàng bán	11	25,687,025,152	15,041,356,977	57,567,681,775	56,324,161,134
3. Lợi nhuận gộp về hàng bán & cung cấp DV	20	825,054,698	1,568,591,019	2,259,585,277	4,512,164,310
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17,886,548	77,094,701	155,843,187	475,362,211
5. Chi phí tài chính	22	197,666,104	274,793,112	664,145,586	939,014,412
<i>Trong đó: lãi vay phải trả</i>	23	170,578,870	273,360,612	379,866,669	656,250,000
6. Chi phí bán hàng	24	111,258,679	77,578,073	320,546,478	136,327,528
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2,245,059,847	2,526,216,092	7,577,764,537	7,254,460,760
8. Lợi tức thuần từ hoạt động KD	30	-1,711,043,384	(1,232,901,557)	(6,147,028,137)	(3,342,276,179)
9. Thu nhập khác	31	234,796,055	369,308,718	587,066,340	1,319,521,153
10. Chi phí khác	32	394,372,613	152,714,216	571,090,606	798,116,676
11. Lợi nhuận khác	40	(159,576,558)	216,594,502	15,975,734	521,404,477
12. Tổng lợi tức trước thuế	50	(1,870,619,942)	(1,016,307,055)	(6,131,052,403)	(2,820,871,702)



CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	số quý này (năm nay)	số quý này (năm trước)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
13.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	0		0	0
13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	0		496,949,840	(8,433,512)
14. Lợi nhuận sau thuế	60	(1,870,619,942)	(1,016,307,055)	(6,628,002,243)	(2,812,438,190)

Thuế thu nhập DN được miễn giảm theo CV số 227/CT-TTHT, V/v miễn giảm thuế TNDN của Tổng Cục Thuế, ngày 08 tháng 01 năm 2008

Kế toán Trưởng



HUỲNH THANH DIỄM TRANG



Phó Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THANH SƠN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2014

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140)	100		31,736,983,290	23,920,578,231
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>2,601,551,460</i>	<i>1,509,853,033</i>
1. Tiền	111	I.1	2,601,551,460	1,509,853,033
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>0</i>	<i>0</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		0	
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>	<i>I.2</i>	<i>24,729,169,444</i>	<i>18,369,372,370</i>
1. Phải thu của khách hàng	131		18,747,964,352	16,863,241,777
2. Trả trước cho người bán	132		3,127,080,887	3,487,211,113
3. Phải thu nội bộ	133		0	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	
5. Các khoản phải thu khác	138	I.3	25,827,091,553	21,263,333,941
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(22,972,967,348)	(23,244,414,461)
IV. Hàng tồn kho	140		371,342,814	377,394,060
1. Hàng hóa tồn kho	141	I.3	595,216,699	601,267,945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(223,873,885)	(223,873,885)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,034,919,572	3,663,958,768
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	I.4	1,410,852,913	943,196,395
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45,099,144	45,099,143
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	I.5	234,165,224	322,510,526
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	I.6	2,344,802,291	2,353,152,704
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		47,708,368,729	51,740,041,052

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		40,283,395,132	44,101,404,494
1. Tài sản cố định hữu hình	221	I.8	25,747,320,770	29,565,330,132
- Nguyên giá	222		54,611,190,470	54,611,190,470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28,863,869,700)	(25,045,860,338)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		13,750,000,000	13,750,000,000
- Nguyên giá	228		13,750,000,000	13,750,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		786,074,362	786,074,362
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	I.7	1,034,561,455	3,080,016,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		6,830,561,455	8,876,016,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,390,412,142	4,558,620,558
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	I.9	2,147,838,598	314,733,748
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	I.10	1,570,101,744	1,571,415,010
3. Tài sản dài hạn khác	268	I.11	2,672,471,800	2,672,471,800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		79,445,352,019	75,660,619,283

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
NGUỒN VỐN			0	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		33,599,500,731	23,186,765,752
I. Nợ ngắn hạn	310		31,052,570,194	14,548,647,829
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		7,058,286,960	887,400,000
2. Phải trả người bán	312		1,709,131,242	661,482,556
3. Người mua trả tiền trước	313		97,364,383	568,258,092
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	I.12	2,184,271,067	820,503,667
5. Phải trả người lao động	315		1,451,077,297	1,965,722,973
6. Chi phí phải trả	316	I.13	2,703,401,729	2,767,806,718
7. Phải trả nội bộ	317		0	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	318		0	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	I.14	15,849,037,516	6,877,473,823
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	
II. Nợ dài hạn	330		2,546,930,537	8,638,117,923
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	
3. Phải trả dài hạn khác	333	I.15	1,998,647,350	2,085,699,350
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	6,508,486,960
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		495,636,574	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		52,646,613	43,931,613
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	I.16	45,845,851,288	52,473,853,531
I. Vốn chủ sở hữu	410		45,845,851,288	52,473,853,531
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	

Chỉ tiêu	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,052,178,753	2,052,178,753
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		0	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(36,206,327,465)	(29,578,325,222)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		79,445,352,019	75,660,619,283

Kế toán Trưởng



HUỲNH THANH DIỄM TRANG



Phó Tổng giám Đốc

NGUYỄN THANH SƠN

BẢNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III/2014

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế Quý III/2014	Lũy kế Quý III/2013
1	2	3	4
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6,131,052,403)	(1,796,150,704)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,818,009,361	2,567,633,898
Các khoản dự phòng	03	(271,447,113)	0
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1,218,261)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(120,483,765)	(318,112,153)
Chi phí lãi vay	06	379,866,669	656,250,000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi VI	08	(2,326,325,512)	1,109,621,041
Tăng giảm các khoản phải thu	09	1,724,906,631	1,191,111,732
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(6,051,246)	(31,218,968)
Tăng giảm các khoản phải trả	11	3,028,183,978	(3,524,777,312)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(2,300,761,368)	(1,141,787,333)
Tiền lãi vay đã trả	13	(379,866,669)	(656,250,000)
Tiền thuế TNDN đã nộp	14		(190,679,362)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,960,800,000	632,000,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(587,160,713)	(566,150,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	1,113,725,101	(3,178,130,202)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	21	0	(295,450,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn k	22	0	796,868,186
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khá	24		
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		
6. Tiền thu góp vốn vào các đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	270,483,765	398,267,510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	270,483,765	899,685,696
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các Chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32		

CHỈ TIÊU	MS	Lũy kế Quý III/2014	Lũy kế Quý III/2013
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	850,000,000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,137,600,000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6,128,700)	(1,531,196,865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	(293,728,700)	(1,531,196,865)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 +30 +40)	50	1,090,480,166	(3,809,641,371)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,509,853,033	9,782,714,864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,218,261	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 +60+61)	70	2,601,551,460	5,973,073,493

Kế Toán Trưởng



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

Tp.HCM, ngày 28 tháng 11 năm 2014



Phó Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN:

Công Ty Cổ Phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công Ty cổ Phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist, Số ĐKKD : 301864, do trọng tài kinh tế cấp ngày 28/04/1994. Hiện nay, Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2013)

Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế, tour cyclo;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hoá chất (trừ hoá chất độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất, thiết kế tạo mẫu, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn, thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn – tấm, sắt thép phiêu liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dụng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá trong nước và xuất khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hoá;
- Môi giới thương mại, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển, đại lý bán vé tàu hoá. Kinh doanh kho bãi, đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Mua bán hoá mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không kinh doanh tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đào tạo nghề;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe./.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON
25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn

- Địa chỉ : Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist : 100%

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo Vệ Long Vân

- Địa chỉ : Số 01 Đường 42, Phường 4, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ : 2.482.327.200 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist : 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist : 100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo Tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho từ 01/07/2014 đến 30/09/2014.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập báo cáo Tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/07/2014 đến 30/09/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo Tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về việc 'Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư Tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp', và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

3.6 SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết định chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỉ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau :

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15-40
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty cổ phần vận chuyển Sài Gòn Tourist được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo công văn số 227/CT-TTHT ngày 08/01/2008 của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 07 năm kể từ năm 2007. Năm 2009 là năm cuối cùng của Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công cụ nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoảng thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 CÁC ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN:

Các khoản đầu tư dài hạn là các khoản cho vay và các khoản đầu tư mua cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Tổng giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

3.9 GHI NHẬN DOANH THU:

Doanh thu được xác định khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 BÁO CÁO CÁC BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành,...

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	745,175,553	299,843,973
Tiền gửi ngân hàng	1,856,375,907	1,210,009,060
Các khoản tương đương tiền (*)		
Cộng	2,601,551,460	1,509,853,033

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng(*)	18,747,964,352	16,863,241,777
Trả trước cho người bán	3,127,080,887	3,487,211,113
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (***)	(22,972,967,348)	(23,244,414,461)
Các khoản phải thu khác (**)	25,827,091,553	21,263,333,941
Cộng	24,729,169,444	18,369,372,370

(*) Các khoản phải thu khách hàng chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Cty Điện Lực TNHH BOT Phú Mỹ 3	938,241,500	986,783,900
Công ty BP	74,371,040	102,267,840
Cty TNHH MTV TM DL Sài Gòn	383,018,740	1,177,104,234
Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	9,727,015,124	9,727,015,124
Ngân hàng ANZ	93,280,000	236,190,000
Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	24,900,000	24,900,000
VPDD Abbott laboratories S.A	244,181,680	
Cty CP DV Khai Thác Dầu Khí PTS	317,696,000	
Cty Liên Doanh Đại Lý Vận Chuyển Evergreen	243,332,000	
Cty CP Latitude Tree Viet Nam	164,340,000	
Cty TNHH MTV DV DL Phú Thọ	150,851,800	
Các khoản phải thu khách hàng khác	6,108,699,993	4,330,944,204
Cộng	18,747,964,352	16,863,241,777

(**) Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Công ty CP Đầu tư tài chính Đất Việt	11,733,148,585	12,118,243,735
_ Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	2,562,225,940	2,762,225,940
_ Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	45,600,000	45,600,000
_ Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	370,000,000	370,000,000
_ Công ty TNHH MTV TMDL Sài Gòn	1,083,672,769	595,875,721
_ CN Công ty CP VC Sài Gòn Tourist tại HN	513,321,396	563,060,505
_ BHXH, BHYT, BHTN phải thu của tài xế taxi	751,332,122	287,903,271
_ Pacific Airline về tiền vé máy bay	22,105,152	3,347,996
_ Doanh thu chưa thực hiện	52,646,613	
_ Công ty TNHH TM DL Huyền Trang	3,231,040,000	
_ Công ty CP XNK Việt Tiệp	196,011,241	
_ Công ty TNHH SX TM XNK Tây Nam	3,500,000,000	
_ Phải thu khác	1,765,987,735	4,517,076,773
Cộng	25,827,091,553	21,263,333,941

(***) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Công ty CP KD và PTN An Nghiệp Phát	2,762,225,940	2,762,225,940
_ Công ty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	8,340,639,838	7,320,419,281
_ Cty XNK Việt Tiệp	1,600,615,657	1,600,615,657
_ Cty CP VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
_ Cty TNHH XD TM Ngọc Linh	36,900,000	36,900,000
_ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính Đất Việt	8,051,622,838	8,051,622,838
_ Công Ty CP ĐT Giải Trí Phước Sang	(677,147,112)	677,147,112
_ Công Ty TNHH ĐT PT Thủ Thiêm	1,229,175,114	1,229,175,114
_ Dự phòng các khoản phải thu của các Cty khác	1,350,898,598	1,288,272,044
Cộng	22,972,967,348	23,244,414,461

3. Hàng tồn kho :

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Nguyên liệu , vật liệu	433,031,093	439,769,029
_ Công cụ, dụng cụ	24,596,853	32,910,853
_ Hàng hóa	137,588,753	128,588,063
Cộng	595,216,699	601,267,945
_ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(223,873,885)	(223,873,885)
Cộng	371,342,814	377,394,060

4. Chi phí trả trước ngắn hạn:	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Công cụ , dụng cụ xuất dùng	301,044,581	350,672,342
_ Chi phí chờ kết chuyển	1,109,808,332	592,524,053
Cộng	1,410,852,913	943,196,395

5. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước:	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Thuế GTGT được khấu trừ	45,099,144	45,099,143
_ Thuế thu nhập cá nhân	14,964,388	91,076,025
_ Thuế thu nhập doanh nghiệp	219,200,836	231,434,501
Cộng	279,264,368	367,609,669

6. Tài sản ngắn hạn khác:	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Tạm ứng	1,571,602,291	1,530,839,304
_ Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	773,200,000	822,313,400
Cộng	2,344,802,291	2,353,152,704

7. Đầu tư tài chính dài hạn:	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Đầu tư tài chính dài hạn khác (*)	6,830,561,455	8,876,016,000
Cộng	6,830,561,455	8,876,016,000
_ Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (**)	(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
Cộng	1,034,561,455	3,080,016,000

(*) Khoản đầu tư dài hạn khác chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Tập đoàn Radius	80,016,000	80,016,000
_ Công ty CP Ô Tô Vận Tải Vina Đông Dương	5,796,000,000	5,796,000,000
_ Công ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	954,545,455	
_ Công ty TNHH TM DL Huyền Trang		3,000,000,000
Cộng	6,830,561,455	8,876,016,000

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn chi tiết như sau:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Công ty CP Ô Tô Vận Tải Vina Đông Dương	(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
Cộng	(5,796,000,000)	(5,796,000,000)

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**8. Tài sản cố định hữu hình**

Kh khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn VND	Phương tiện đụng cụ, quần lý VND	Thiết bị đụng cụ, quần lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐHH						
Tại ngày 01/01/2014	1,339,428,880	383,100,041	52,676,593,866	212,067,683	-	54,611,190,470
- Mua trong Năm					-	0
- Tặng Khác					-	0
- Thanh lý, nhượng bán					-	0
- Giảm khác					-	0
Số dư cuối kỳ	1,339,428,880	383,100,041	52,676,593,866	212,067,683	-	54,611,190,470
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	1,063,142,540	298,290,811	23,479,633,705	204,793,283	-	25,045,860,339
- Khấu hao trong năm	6,425,262		3,799,949,296	11,634,803	-	3,818,009,361
- Thanh lý, nhượng bán					-	0
- Giảm khác					-	0
Số dư cuối kỳ	1,069,567,802	298,290,811	27,279,583,001	216,428,086	-	28,863,869,700
Giá trị còn lại của TSCĐHH						
Tại ngày đầu năm	276,286,340	84,809,230	29,196,960,161	7,274,400	-	29,565,330,131
Tại ngày cuối kỳ	269,861,078	84,809,230	25,397,010,865	-4,360,403	-	25,747,320,770

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Chi phí sửa chữa nhà 25 Pasteur	36,300,000	45,300,000
_ Chi phí thiết kế sân tập lái	33,821,591	65,321,591
_ Chi phí làm lề đường, sân tập lái xe tại Cù Chi	125,000,000	156,500,000
_ Chi phí sửa chữa công trình Lê Đức Thọ	1,903,931,597	
_ Công cụ dụng cụ	48,785,410	36,080,440
Cộng	2,147,838,598	303,202,031

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Chênh lệch tạm thời	7,850,508,719	7,850,508,719
_ Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
_ Điều chỉnh do hợp nhất		1,313,266
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1,570,101,744	1,571,415,010

11. Tài sản dài hạn khác :

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Ký quỹ xuất khẩu lao động	100,000	100,000
_ Ký quỹ lữ hành quốc tế	250,000,000	250,000,000
_ Ký quỹ lữ hành nội địa	50,000,000	50,000,000
_ Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Nhất Việt	43,121,800	43,121,800
_ Ký quỹ tiền thuê xe - Cty Huy Hoàng Hà	372,000,000	372,000,000
_ Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500,000,000	500,000,000
_ Ký quỹ tiền thuê mặt bằng - Cty CP May Nam Phú	317,250,000	317,250,000
_ Ký quỹ khác	1,140,000,000	1,140,000,000
Cộng	2,672,471,800	2,672,471,800

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Thuế GTGT	1,012,822,376	172,564,826
_ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	433,176,482	433,176,482
_ Các loại thuế khác	2,500,000	
_ Thuế nhà đất và tiền thuê đất	735,772,209	214,762,359
Cộng	2,184,271,067	820,503,667

13. Chi phí phải trả :

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Chi phí thuê mặt bằng	909,280,000	1,152,200,000
_ Chi phí đào tạo lái xe	201,622,330	265,228,000
_ Chi phí dịch vụ lữ hành	283,796,295	256,857,291
_ Chi phí của CN Hà Nội	463,591,781	463,591,781
_ Chi phí xe du lịch	199,164,167	228,877,817
_ Chi phí vé giữ xe	85,399,090	99,030,239
_ Chi phí khác	560,548,066	302,021,590
Cộng	2,703,401,729	2,767,806,718

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Cổ tức năm 2008 chưa chi	412,000,657	412,000,657
_ Cổ tức năm 2010 chưa chi	2,443,460,013	2,463,730,413
_ Cổ tức năm 2011 chưa chi	851,461,245	837,319,545
_ Phải trả Cục quản lý lao động ngoài nước	665,253,000	665,253,000
_ Phải trả Hội Đồng Quản Trị	495,000,000	525,000,000
_ Phải trả Kinh phí công đoàn	280,096,672	
_ Công ty TNHH ĐT và Xây Dựng Sài Việt	111,000,000	
_ VP KV Miền Nam- Hãng HK Quốc Gia Việt Nam	240,443,622	
_ Cty TNHH MTV DV BV Long Vân	705,728,000	
_ Công ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	3,000,000,000	
Cty TNHH MTV Nghiệp Phát	25,088,600	
_ Cty TNHH MTV TM DL Sài Gòn	1,163,295,539	
_ Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,456,210,168	1,974,170,208
Cộng	15,849,037,516	6,877,473,823

15. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
_ Nhận ký quỹ của NH TNHH MTV ANZ (Việt Nam)		58,900,000
_ Nhận ký quỹ của Australian Trade Commiccion	19,500,000	19,500,000
_ Nhận ký quỹ của VP Đại Diện CN Quảng Ninh	5,000,000	5,000,000
_ Nhận ký quỹ của Cty CP Đầu tư và PT An Thiện Nhân	150,000,000	150,000,000
_ Nhận ký quỹ của lái xe du lịch và lái xe taxi	1,744,747,350	1,248,447,350
_ Nhận ký quỹ dài hạn khác	79,400,000	603,852,000
Cộng	1,998,647,350	2,085,699,350

CTY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÔNG TY CON

Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III/2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP)**16.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	80,000,000,000		2,052,178,753		(29,578,325,222)	52,473,853,531
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	(6,628,002,243)	(6,628,002,243)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	0
- Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	80,000,000,000		2,052,178,753		(36,206,327,465)	45,845,851,288

16.2 Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23,284,940,000	23,284,940,000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa		12,158,740,000
Vốn góp của các đối tượng khác	56,715,060,000	44,556,320,000
	<u>80,000,000,000</u>	<u>80,000,000,000</u>

16.3 Cổ phần

	Tại 30/09/2014	Tại 01/01/2014
• Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8,000,000	8,000,000
• Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại		
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8,000,000	8,000,000
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VNĐ/Cổ phần		

II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26,512,079,850	16,609,947,996
Trong đó:		
_ Doanh thu bán hàng		
_ Doanh thu dịch vụ lữ hành	13,954,865,453	3,189,482,801
_ Doanh thu vận chuyển	7,166,745,409	8,296,599,329
_ Doanh thu dịch vụ bảo vệ	3,319,136,203	3,566,353,448
_ Doanh thu khác	2,071,332,785	1,557,512,418
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
_ Chiết khấu thương mại		
_ Hàng bán bị trả lại		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>26,512,079,850</u>	<u>16,609,947,996</u>

7/ Báo cáo bộ phận

Nhiệm phục vụ mục đích quản lý. Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như:

- Dịch vụ taxi
- Dịch vụ du lịch lữ hành
- Dịch vụ bảo vệ
- Dịch vụ xuất khẩu lao động
- Dịch vụ khác

Cho giai đoạn tài chính kế thúc ngày 30/09/2014

	ĐVT: Triệu đồng											
	Dịch vụ vận chuyển		Dịch vụ du lịch lữ hành		Dịch vụ bảo vệ		Dịch vụ XKLD		Dịch vụ khác		Tổng cộng	
	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này	kỳ trước	kỳ này
Dthu												
Từ k/h bên ngc	25,102	24,106	21,899	22,495	11,200	10,847			5,579	4,875	63,780	62,323
Giữa các bộ pt	(1,454)	(1,821)	(830)	(250)	(660)	(425)					(2,944)	(2,496)
Tổng cộng	23,648	22,285	21,069	22,245	10,540	10,422			5,579	4,875	60,836	59,827
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất												
Kết quả của BỊ	2,344	1,263	204	75	2,091	1,215			(127)	(294)	4,512	2,259
Chi phí không phân bổ											7,390	7,898
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											(2,878)	(5,639)
Doanh thu tài chính											475	156
Chi phí tài chính											939	664
Lợi nhuận khác											521	16
Lợi nhuận trước thuế											(2,820)	(6,131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp											(8)	497
Chi phí thuế TNDN hoãn lại											(2,812)	(6,628)
Lợi nhuận sau thuế												
Lợi ích cổ đông thiểu số												
Lợi nhuận thuần											(2,812)	(6,628)

8/ Thông tin về các bên liên quan

■ Theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, Các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan

Tên Công ty

Mối quan hệ

Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn

Cổ đông

■ Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc

	Quý III/2014	Quý III/2013
Lương Ban TGD của Công ty	170,595,000	184,644,000
Lương của các nhân viên chủ chốt của Công ty	232,860,600	248,061,312
Tổng cộng	403,455,600	432,705,312

9/ Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh theo các hợp đồng thuê. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 01 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ

	Quý III/2014	Quý III/2013
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	846,568,638	787,136,364

10/ Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Quý III/2014	Quý III/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,601,551,460	3,325,043,801
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44,575,055,905	38,291,917,561
Đầu tư dài hạn	1,034,561,455	5,257,163,112
Tổng cộng	48,211,168,820	46,874,124,474

	Giá trị ghi sổ	
	Quý III/2014	Quý III/2013
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	8,133,486,960
Phải trả người bán và phải trả khác	17,558,168,758	9,900,554,342
Chi phí phải trả	2,703,401,729	3,740,710,054
Tổng cộng	20,261,570,487	21,774,751,356

■ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai

Bảng chi tiết dưới đây trình bày dòng tiền của các tài khoản gốc và tiền lãi, dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi

Tại ngày 01/01/2014	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Tổng
Các khoản vay	887,400,000	6,508,486,960	7,395,886,960
Phải trả người bán và phải trả khác	7,538,956,379		7,538,956,379
Chi phí phải trả	2,767,806,718		2,767,806,718

Tại ngày 30/09/2014	Dưới 01 năm	Từ 01-05 năm	Tổng
Các khoản vay	6,558,286,960	-	6,558,286,960
Khóan vay của cá nhân	500,000,000		500,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	17,558,168,758		17,558,168,758
Chi phí phải trả	2,703,401,729		2,703,401,729

Ban Tổng giám Đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng giám Đốc tin tưởng rằng tập Đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

11/ Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quang trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

12/ Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/09/2014 được Phó Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 14/11/2014

Hồ chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2014

Kế Toán Trưởng

HUỲNH THANH DIỄM TRANG



NGUYỄN THANH SƠN